

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-12-2022.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng; bà Đoàn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Huế – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 31-10-2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12-12-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cù Thị Xuân T, sinh năm 1959.

- Bị đơn: Ông Dương Quang K, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Tổ x, phường Y, TP Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-10-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cù Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Quang K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 19-02-1983 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà nghi ngờ ông K có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Bà đã cho ông K cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng ông K không thay đổi. Ông bà đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Quang K.

Về nuôi con: Bà và ông K có 02 con chung là Dương Vân A sinh ngày 08-5-1984 và Dương Chí T sinh ngày 16-02-1989. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22-11-2022, bị đơn ông Dương Quang K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, thời điểm ly thân như bà Cù Thị Xuân T đã trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn có phần do lỗi của ông vì ông không quan tâm đến gia đình, việc này ông đã nhận lỗi với bà T cùng các con. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà T làm đơn xin ly hôn, ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Ông và bà T có 02 con chung như bà T đã trình bày là đúng. Các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn”, bị đơn ông Dương Quang K có nơi cư trú tại tổ x, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Bà Cù Thị Xuân T và ông Dương Quang K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cù Thị Xuân T và ông Dương Quang K có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 1983 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Ông bà đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do ông K không quan tâm đến gia đình, ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, Ông K xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Bà Cù Thị Xuân T và ông Dương Quang K có 02 con chung là Dương Vân A, sinh ngày 08-5-1984 và cháu Dương Chí T, sinh ngày 16-02-1989. Các cháu đã trưởng thành, bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Bà Cù Thị Xuân T và ông Dương Quang K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các vấn đề khác:

- Về án phí: Bà Cù Thị Xuân T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cù Thị Xuân T được ly hôn ông Dương Quang K.

2. Về án phí: Bà Cù Thị Xuân T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn .

Ông Dương Quang K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Cù Thị Xuân T và ông Dương Quang K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- Chi cục THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Thịnh, Yên Bình, Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Nguyễn Thế Hòa**

